CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/BHC/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: T.+84-251.3836199 | F.+84-251.3836213

E-mail: E. bhs@bhconsumer.com | W. www.bhsconsumer.com.

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Theo giấy chứng nhận còn hiệu lực của các cơ sở sản xuất sản phẩm đề cập tại mục II.5.2.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG

2. Thành phần: Đường mía 100 %

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: túi 2kg (10 túi 2kg/bao)
- Chất liệu bao bì: Túi 2kg: làm từ vật liệu màng túi OPP/PE/LDPE; PET/PE/LDPE; PA/LLDPE. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ: Việt Nam

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

5.2 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ cơ sở: Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số giấy chứng nhận FSSC: VN12479-3, nơi cấp Bureau Veritas Certification.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

3.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể đường tương đối đồng đều, tơi khô, có thể vón cục nhẹ và tơi ra khi có tác động lực.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng óng ánh, khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

3.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	≥ 99.7

3.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	< 10

3.4 Vi sinh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	Cfu/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	Cfu/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	Cfu/10g	10

4. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trực tiếp hoặc chế biến thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600[illegible] - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Đình Nghiêm

484mm

14.5 | 109mm | 237mm | 109mm | 14.5

309mm

Sản xuất độc quyền cho:
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)

Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Được sản xuất và đóng gói bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Công bố số: 05/BHC/2023
Xuất xứ: Việt Nam.

TTC AgriS

Lắng nghe ý kiến khách hàng
(028) 3920 5733

NSX: Xem trên bao bì sản phẩm
HSD: 24 tháng kể từ NSX

8 935015 521207

COOP
Happy
Đường Kính Trắng
REFINED STANDARD SUGAR



Khối lượng tịnh:
2 kg

Save Everyday
Tiết kiệm mỗi ngày

COOP
Happy
Đường Kính Trắng
REFINED STANDARD SUGAR

Thành phần:
Đường mía (100 %).

Hướng dẫn sử dụng:
Dùng trực tiếp hoặc chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:
Không dùng sản phẩm có mùi, màu lạ bất thường.

14.5 | 14.5

white | black | Pantone 2995C | Dieline | Trans

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 19/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi zip
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

M.S.D.N: 0314212 CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL THÀNH PHỐ

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	2,4-D (*) / 2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-09:2020
2	LS	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-09:2020
3	LS	Azinphos-methyl (*) / Azinphos-methyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.0015	TS-KT-SK-14:2020
4	LS	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
5	LS	Chlorantraniliprole (*) / Chlorantraniliprole (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
6	LS	Cyhalothrin (Sum Gamma + lamda) (*) / Cyhalothrin (Sum Gamma + lamda) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
7	LS	Cypermethrin (sum of isomers) (*) / Cypermethrin (sum of isomers) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
8	LS	Dicamba (**) / Dicamba (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	CASE.SK.0122 (2018)
9	LS	Ethoprophos / Ethoprophos	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-14:2020
10	LS	Imazapic (*) / Imazapic (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
11	LS	Isoxaflutole / Isoxaflutole	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-09:2020
12	LS	Mesotrione / Mesotrione	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.01	TS-KT-SK-09:2020
13	LS	Novaluron (*) / Novaluron (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
14	LS	Propiconazole (*) / Propiconazole (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
15	LS	Tebufenozide (*) / Tebufenozide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
16	LS	Trinexapac-ethyl (*) / Trinexapac-ethyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.0015	TS-KT-SK-14:2020
17	LS	Glyphosate (**) / Glyphosate (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	2	CASE.SK.0135 (2018)

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 19/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi zip
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Đường tổng (theo Sacaroza) / Total sugar (as sucrose)	99.8	%	-	TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988)
2	LS	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	0.058	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
3	LS	Đường khử (*) / Reducing sugars (*)	203	mg/kg	-	ICUMSA method GS2/9-6 (2011)
4	LS	Tro dẫn điện (*) / Conductivity ash (*)	0.029	%	-	ICUMSA method GS1/3/4/7/8-13 (1994)
5	LS	Sunfua dioxit (SO_2) (*) / Sulfur dioxide (SO_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	1	TS-KT-HCB-42:2020
6	LS	Độ màu (*) / Colour (*)	62	IU	-	TCVN 6333:2010 (GS2/3 - 9:2005)
7	LS	Năng lượng / Calories	400	kcal/100g	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
8	LS	Carbohydrate (*) / Carbohydrate (*)	99.9	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
9	LS	Đạm tổng (*) / Total protein (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.1	TS-KT-HCB-001:2018
10	LS	Béo tổng (*) / Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected	%	0.1	TS-KT-HCB-002:2018

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 19/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi zip
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	LS	Tổng số nấm mốc (*) / Total moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
3	LS	Tổng số nấm men (*) / Total yeasts (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212613 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 19/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi zip
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-02:2018
2	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018
3	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018
4	LS	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

VLAT 1.0322
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1230400590-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 08/04/2023
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 08/04/2023
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 19/04/2023
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi zip
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Aflatoxin B_1 (*) / Aflatoxin B_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
2	LS	Aflatoxin (tổng B_1,B_2,G_1,G_2) (*) / Aflatoxin (sum of B_1,B_2,G_1,G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N:0314212615 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
Telephone: (+84) 28.3810.4336 **Website: http://tsl-net.com.vn**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*